

- Tính chất: Công viên sinh thái, kết hợp dịch vụ nghỉ ngơi cuối tuần.
- Phân khu chức năng và định hướng tổ chức không gian: được tổ chức trên cơ sở khai thác cảnh quan tự nhiên sông Thiên Đức. Cảnh quan chủ đạo của công viên là các hồ nước, cây xanh và gắn với kiến trúc cảnh quan của các di tích lịch sử và làng xóm ven sông.

Khu vực công viên được thực hiện theo dự án riêng, song phải đảm bảo mật độ xây dựng trong công viên không quá 5% và quy mô diện tích hồ điều hoà.

Trong quá trình lập quy hoạch chi tiết chú ý đảm bảo trục không gian nối không gian sông Hồng với sông Đuống và cảnh quan dọc sông Cầu Bày.

Chỉ tiêu đất đai của từng công viên theo bảng sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ chiếm đất (%)	Dân số (ngàn người)	Ghi chú
	<b>Khu công viên</b>	<b>586,52</b>		<b>2,31</b>	
<b>1</b>	<b>Khu công viên đô thị X40</b>	<b>382,89</b>		<b>2,31</b>	
1.1	Khu vực công viên	364,45			
	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	305,26			
	Đất ở hiện có	10,39		2,31	
	Khu vực đất cơ quan, trường đào tạo	4,77			
	Khu vực xây dựng các công trình đầu mối HTKT	19,00			
	Đất quân sự, an ninh	2,19			
	Đất đường cao tốc HN-HP, đường sắt	22,84			
1.2	Đất nút giao thông đường 5 - đường vành đai 3	18,44			
<b>2</b>	<b>Khu vực mở rộng công viên đô thị X40</b>	<b>92,01</b>			
	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	80,72			
	Khu vực xây dựng các công trình đầu mối HTKT	7,84			
	Đất đường Hà Nội - Hưng Yên	3,45			
<b>3</b>	<b>Khu vực CV Lịch sử văn hoá Phù Đổng</b>	<b>40,48</b>			
	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	39,48			
	Khu vực xây dựng các công trình đầu mối HTKT	1,00			
<b>4</b>	<b>Khu vực CV nghỉ ngơi giải trí Dương Quang</b>	<b>71,14</b>			
	Đất công viên, cây xanh, mặt nước	70,74			
	Đất giao thông khu vực	0,40			

### 7.1.3. Cụm công nghiệp, kho tàng, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề :

Các cụm công nghiệp, kho tàng, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề nằm tách biệt với các khu đô thị có tổng diện tích 213,51 ha, gồm: Cụm công nghiệp Ninh Hiệp (công nghiệp đa ngành); Cụm công nghiệp Hapro - Lệ Chi, Kim Sơn (công nghiệp thực phẩm); Cụm công nghiệp Bát Tràng (gốm, sứ...); Cụm công nghiệp Lâm Giang, tiểu thủ công nghiệp Kiều Ky (công nghiệp đa ngành); Kho xăng dầu Phú Thị

Các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề được thực hiện theo dự án riêng. Các khu công nghiệp dự kiến xây dựng mới trên địa bàn huyện là khu công nghiệp với các ngành công nghiệp có hàm lượng chất xám cao, như điện tử, viễn thông, cơ khí chính xác. Mật độ xây dựng tối đa trong các xí nghiệp 60%.

Khu đất công nghiệp, kho tàng, cơ sở sản xuất đơn lẻ hiện có, không gây ảnh hưởng môi trường được phép cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp công trình và hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Các nhà máy xí nghiệp nằm phân tán trong khu vực phát triển đô thị gây ảnh hưởng môi trường đối với khu dân cư từng bước có kế hoạch chuyển đổi chức năng sử dụng đất sang đất dân dụng đô thị.

Đối với cụm tiểu thủ công nghiệp gắn với bảo tồn phát triển giá trị văn hoá truyền thống, cải tạo cảnh quan kết hợp giữa sản xuất và dịch vụ du lịch. Các làng nghề truyền

thống từng bước chuyển khu sản xuất ra khỏi khu dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường. Các chỉ tiêu về tầng cao và mật độ xây dựng theo dự án được duyệt, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

**Điều 8. Khu vực dự kiến phát triển đô thị** có tổng diện tích 1769,51ha, gồm:

- Khu vực dự kiến phát triển phía Nam cụm công nghiệp Ninh Hiệp, diện tích khoảng 194,49 ha.

- Khu vực dự kiến phát triển phía Bắc công viên Phù Đổng, diện tích khoảng 561,85 ha.

- Khu vực dự kiến phát triển đô thị Lê Chi - Kim Sơn ( cụm công nghiệp Hapro), diện tích khoảng 183,98ha.

- Khu vực dự kiến phát triển dọc đường Hà Nội - Hưng Yên, đường 5, diện tích 829,19ha.

Các khu vực dự kiến phát triển trên, hiện trạng chủ yếu là đất ruộng.

Số dân cư dự kiến khi khu vực này phát triển vào khoảng 8 - 10 vạn người.

Các khu công nghiệp dự kiến xây dựng mới trong các khu dự kiến phát triển trên là các xí nghiệp công nghiệp thuộc ngành có hàm lượng chất xám cao, như điện tử, viễn thông, cơ khí chính xác...

Các khu vực dự kiến phát triển đô thị sẽ được thực hiện theo dự án riêng với cấu trúc đô thị bao gồm cả các khu dân cư nông thôn lân cận. Các yêu cầu về không gian quy hoạch kiến trúc đô thị sẽ được xác định theo nhu cầu phát triển của Thành phố.

**Điều 9. Khu vực nông nghiệp, nông thôn:** là khu vực ngoài đô thị tổng diện tích 6596,41ha, gồm các khu vực chức năng sau:

**9.1. Khu vực xây dựng các trung tâm dịch vụ** có tổng diện tích 231,81ha, có chỉ tiêu sử dụng đất chung sau:

TT	Loại	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Dân số (ngàn người)
	<b>Khu trung tâm dịch vụ nông thôn</b>	<b>231,81</b>	<b>100,0</b>	<b>11,82</b>
1	Đất công cộng dịch vụ	71,81	30,98	
2	Đất ở	59,26	25,57	
	<i>Đất ở hiện có</i>	<i>19,71</i>	<i>8,50</i>	<i>3,03</i>
	<i>Đất ở mới</i>	<i>39,55</i>	<i>17,06</i>	<i>8,79</i>
3	Đất cây xanh, mặt nước	57,84	24,95	
4	Khu vực đất cơ quan, trường đào tạo	3,92	1,69	
5	Khu vực xây dựng các công trình đầu mối HTKT	1,00	0,43	
6	Khu vực xây dựng công trình tôn giáo, tín ngưỡng	1,18	0,51	
7	Đất giao thông khu vực	36,80	15,87	

**Các yêu cầu chung:**

Khuyến khích xây dựng cải tạo nhà ở hiện có cao 2-3 tầng, hình thức nhà vườn, biệt thự, nhà mặt phố tối đa cao 4 tầng. Hạn chế gia tăng mật độ xây dựng và chia nhỏ thửa đất, mật độ xây dựng tối đa trong nhóm nhà là 40%. Trong các làng xóm khuyến khích cao tối đa 3 tầng dạng nhà vườn biệt thự tối đa cao 4 tầng; mật độ xây dựng một nhóm nhà ở là 35%. Các khu đất dân dân, di dân giải phóng mặt bằng, tái định cư, đất ở xây dựng mới trong khu vực các xã, trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn cao tối đa 3 tầng, mật độ xây dựng nhóm nhà tối đa 53%, khoảng lùi tối thiểu 3m so với chỉ giới đường vào nhà. Cải tạo mở rộng xây dựng mới các đường làng ngõ xóm, tối thiểu lòng đường 5,5 đối với ngõ, 7,5m đối với đường làng chính, đảm bảo phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, khoảng lùi công trình xây dựng mới tối thiểu 3m.

### **Các yêu cầu cụ thể:**

**1) Trung tâm dịch vụ Phù Đổng:** diện tích 32,31ha, có chức năng dịch vụ thương mại, du lịch văn hoá, lễ hội, gắn liền với công viên văn hoá lịch sử Phù Đổng.

Các công trình công cộng dịch vụ trong trung tâm có vai trò hỗ trợ cho các hoạt động dịch vụ thương mại, giáo dục cho 2 xã Phù Đổng và Trung Mậu. Ngoài đất công cộng dịch vụ, trong trung tâm bố trí các khu đất xây dựng công trình sử dụng hỗn hợp (nhà ở, hành chính, dịch vụ...; trong quá trình tính toán cơ cấu sử dụng đất và nhu cầu hạ tầng kỹ thuật, đất xây dựng công trình sử dụng hỗn hợp quy đổi đất ở chiếm 50%.)

Trong trường hợp khi khu dự kiến phát triển đô thị tại phía Bắc được triển khai, trung tâm dịch vụ Phù Đổng trở thành một khu vực chức năng của đô thị.

**2) Trung tâm dịch vụ Lê Chi – Kim Sơn:** diện tích 51,44ha, chức năng chủ yếu là dịch vụ thương mại, nhà ở. Tại đây bố trí các công trình dịch vụ công cộng, các công trình dịch vụ hỗ trợ cho các trung tâm xã Lê Chi, Kim Sơn và Dương Quang.

**3) Trung tâm dịch vụ Đặng Xá:** diện tích 38,18 ha, chức năng chủ yếu là dịch vụ thương mại, du lịch. Tại đây bố trí chợ đầu mối cảng sông Đặng Xá; điểm trung chuyển du lịch dọc sông Đuống; các công trình dịch vụ công cộng hỗ trợ cho các trung tâm xã Cổ Bi, Đặng Xá, Phú Thị.

**4) Trung tâm dịch vụ Kiều Ky:** diện tích 31,05ha, chức năng chủ yếu là dịch vụ thương mại, nhà ở. Tại đây bố trí các công trình dịch vụ công cộng, nhà ở cho công nhân cụm công nghiệp Kiều Ky; các công trình dịch vụ công cộng hỗ trợ cho các trung tâm xã Kiều Ky, Dương Xá. Trong tương lai khi các khu vực dự kiến phát triển đô thị dọc đường 5 được triển khai, trung tâm dịch vụ Kiều Ky trở thành một khu chức năng của đô thị.

**5) Trung tâm dịch vụ Đa Tốn:** diện tích 78,83ha, chức năng chủ yếu là dịch vụ thương mại. Tại đây bố trí các tổ hợp thương mại dịch vụ cấp đô thị, chợ đầu mối, nơi giới thiệu các sản phẩm gốm, sứ...; các công trình dịch vụ công cộng hỗ trợ cho các trung tâm xã Đa Tốn, Bát Tràng, Kim Lan, Văn Đức. Trong tương lai khi các khu vực dự kiến phát triển đô thị dọc đường Hà Nội - Hưng Yên được triển khai, trung tâm dịch vụ Đa Tốn trở thành một khu chức năng của đô thị.

Chỉ tiêu đất đai của từng trung tâm dịch vụ nông thôn theo bảng sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ chiếm đất (%)	Dân số (ngàn người)
	<b>Khu vực xây dựng các trung tâm dịch vụ</b>	<b>231,81</b>		<b>11,82</b>
<b>1</b>	<b>Trung tâm dịch vụ Phù Đổng</b>	<b>32,31</b>		<b>1,69</b>
1.1	Đất công cộng dịch vụ	14,32		
1.2	Đất ở mới	7,60		1,69
1.3	Đất cây xanh, mặt nước, mương	4,14		
1.4	Đất công trình đầu mối HTKT	1,00		
1.5	Đất giao thông khu vực	5,25		
<b>2</b>	<b>Trung tâm dịch vụ Lê Chi - Kim Sơn</b>	<b>51,44</b>		<b>3,44</b>
2.1	Đất công cộng dịch vụ	12,42		
2.2	Đất ở	16,38		3,44
	Đất ở hiện có	2,92		0,45
	Đất ở mới	13,46		2,99
2.3	Đất cây xanh, mặt nước, mương	8,88		
2.4	Đất giao thông khu vực	13,76		
<b>3</b>	<b>Trung tâm dịch vụ Đặng Xá</b>	<b>38,18</b>		<b>1,90</b>
3.1	Đất công cộng dịch vụ	14,90		
3.2	Đất ở mới	8,57		1,90

3.3	Đất cây xanh, mặt nước, nương	7,28		
3.4	Khu vực đất cơ quan, trường đào tạo	2,34		
3.5	Đất giao thông khu vực	5,09		
<b>4</b>	<b>Trung tâm dịch vụ Kiều Ky</b>	<b>31,05</b>		<b>1,69</b>
4.1	Đất công cộng dịch vụ	12,85		
4.2	Đất ở	7,98		1,69
	<i>Đất ở hiện có</i>	1,25		0,19
	<i>Đất ở mới</i>	6,73		1,50
4.3	Đất cây xanh, mặt nước, nương	5,01		
4.4	Đất giao thông khu vực	5,21		
<b>5</b>	<b>Trung tâm dịch vụ Đa Tốn</b>	<b>78,83</b>		<b>3,10</b>
5.1	Đất công cộng dịch vụ	17,32		
5.2	Đất ở	18,74		3,10
	<i>Đất ở hiện có</i>	15,54		2,39
	<i>Đất ở mới</i>	3,20		0,71
5.3	Đất cây xanh, mặt nước	32,53		
5.4	Khu vực đất cơ quan, trường đào tạo	1,58		
5.5	Khu vực xây dựng công trình tôn giáo, tín ngưỡng	1,18		
5.6	Đất giao thông khu vực	7,48		

**9.2. Khu vực các điểm dân cư nông thôn và đất nông nghiệp:** có diện tích khoảng 6364,60ha, là phần diện tích còn lại ngoài khu vực dự kiến phát triển đô thị. Đến năm 2020 số dân cư tại các khu dân cư nông thôn huyện Gia Lâm đạt vào khoảng 181,26 ngàn người, được phân thành khu vực trong đê và khu vực ngoài đê.

Khu vực nông nghiệp, nông thôn phân thành các loại đất sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ chiếm đất (%)	Dân số (ngàn người)
	<b>Khu vực nông nghiệp, nông thôn</b>	<b>6364,60</b>		<b>181,26</b>
<b>1</b>	<b>Khu vực trong đê</b>	<b>3265,63</b>	<b>100,0</b>	<b>149,96</b>
1.1	Đất công cộng	164,98	5,05	
1.2	Đất cơ quan, trường đào tạo	20,52	0,63	
1.3	Đất ở	1032,43	31,62	149,96
	<i>Đất ở hiện có</i>	901,22	27,60	125,10
	<i>Đất ở mới</i>	131,21	4,02	24,86
1.4	Đất công viên, cây xanh	259,54	7,95	
1.5	Đất an ninh quốc phòng	40,97	1,25	
1.6	Đất tôn giáo tín ngưỡng	32,45	0,99	
1.7	Đất sản xuất TTCN, công nghiệp, kho tàng	75,87	2,32	
1.8	Đất giao thông	383,02	11,73	
1.9	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	39,80	1,22	
1.10	Đất CX cách ly, đất nông nghiệp và đất khác	1216,05	37,24	
<b>2</b>	<b>Khu vực ngoài đê</b>	<b>3098,97</b>	<b>100,0</b>	<b>31,30</b>
2.1	Đất công cộng	20,31	0,66	
2.2	Đất cơ quan, trường đào tạo	0,00	0,00	
2.3	Đất ở	239,82	7,74	31,30
	<i>Đất ở hiện có</i>	226,43	7,31	28,80
	<i>Đất ở mới</i>	13,39	0,43	2,50
2.4	Đất công viên, cây xanh	21,68	0,70	
2.5	Đất an ninh quốc phòng	1,51	0,05	
2.6	Đất tôn giáo tín ngưỡng	2,01	0,06	
2.7	Đất sản xuất TTCN, công nghiệp, kho tàng	0,00	0,00	
2.8	Đất giao thông	25,59	0,83	
2.9	Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật	10,00	0,32	
2.10	Đất sông Hồng, sông Đuống và bãi ngoài sông	2703,52	87,24	
	<i>Sông Hồng và bãi ngoài sông Hồng</i>	1014,74	32,74	

	<i>Sông Đuống và bãi ngoài sông Đuống</i>	1688,78	54,49	
2.11	Đất CX cách ly, đất nông nghiệp và đất khác	74,53	2,41	

- Khu vực làng, xã hiện có cải tạo chỉnh trang: Thực hiện theo tinh thần Quyết định số 23/2005/QĐ-UB ngày 18/02/2005 của UBND Thành phố Hà Nội và tuân thủ theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam. Phát triển các diện tích đất ở mới với quy mô chiếm khoảng 10-15% đất ở hiện tại, vừa đáp ứng nhu cầu của việc gia tăng dân số, vừa tạo điều kiện cho việc xây dựng các dự án đầu tư về đất để lấy kinh phí xây dựng hệ thống hạ tầng. Đất xen kẹt sử dụng cho mục đích chung phục vụ nhu cầu cộng đồng, như: làm sân chơi, thể dục thể thao, cây xanh, bãi đỗ xe... Các hồ ao có diện tích từ 1000m<sup>2</sup> trở lên không được tự ý san lấp, để sử dụng thoát nước chung, bảo vệ cảnh quan và cải tạo vi khí hậu cho khu vực.

- Đất công trình di tích, tôn giáo, danh lam thắng cảnh: quy mô diện tích được xác định trên cơ sở ranh giới hiện đang quản lý sử dụng. Việc lập dự án cải tạo, xây dựng trong các khu vực này được thực hiện theo dự án riêng, tuân thủ Luật Di sản Văn hoá, Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ. Bảo tồn tôn tạo các công trình tôn giáo, di tích lịch sử văn hóa cùng hệ thống không gian mặt nước cây xanh và không gian sinh hoạt cộng đồng, các giá trị văn hóa phi vật thể. Các công trình xây dựng lân cận tiếp giáp ranh giới hành lang bảo vệ di tích không xây dựng cao tầng, phải được cấp thẩm quyền xem xét để không ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan khu vực.

- Khu vực làng cổ Bát Tràng tại xã Bát Tràng được bảo tồn, tôn tạo phục vụ du lịch.

- Đảm bảo việc triển khai các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật quốc gia và đô thị trên địa bàn theo các quy hoạch được phê duyệt.

- Hệ thống các sông, hồ được giữ lại, cải tạo chỉnh trang, thiết lập các hành lang bảo vệ tại các sông, kênh, mương chống lấn chiếm và đảm bảo cảnh quan môi trường.

- Các khu vực nghĩa địa, nghĩa trang hiện có (trừ các nghĩa địa nằm trong các khu đô thị) về cơ bản được giữ lại, dự kiến là đất cây xanh sinh thái. Việc di dời sẽ cụ thể tùy sẽ xác định theo nhu cầu của quá trình đô thị hoá.

Trong diện tích khu vực nông nghiệp, nông thôn trên, diện tích các khu trung tâm dịch vụ đô, khu vực làng xóm hiện có kế liên và xen kẹt tại các khu vực dự kiến phát triển với quy mô khoảng 800ha sẽ được đô thị hoá cùng với quá trình đầu tư xây dựng tại các khu vực dự kiến phát triển đô thị.

**Điều 10.** Đất quốc phòng do Bộ Quốc phòng quản lý được thực hiện riêng theo Quyết định số 611/TTg ngày 05/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đất quốc phòng do quân đội quản lý trên địa bàn Quận Thủ đô; Việc xây dựng cần thực hiện theo dự án riêng tuân thủ Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến bảo vệ an ninh quốc phòng, cần phải đảm bảo các yêu cầu kiến trúc cảnh quan đô thị. Các khu tập thể gia đình cần được xác định, từng bước bàn giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành.

**Điều 11.** Đất an ninh do Bộ Công an quản lý được thực hiện riêng theo Quyết định số 566/QĐ-TTg ngày 22/6/2000 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch đất an ninh do Bộ Công an quản lý trên địa bàn 61 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc xây dựng được thực hiện theo dự án riêng, được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo các yêu cầu về an ninh quốc phòng và đảm bảo các yêu cầu kiến trúc cảnh quan đô thị. Các khu tập thể gia đình được Bộ Quốc phòng quản lý rà soát theo quy hoạch, từng bước bàn giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành.

**Điều 12.** Khu vực ngoài đô (xã Kim Lan, Văn Đức và một phần xã Đông Dư, Bát Tràng, Phù đồng, Cổ Bi, Đặng Xá, Trung Mậu, Dương Hà, Yên Viên): Việc đầu tư xây dựng cải tạo xây dựng các công trình trong khu vực được thực hiện theo dự án riêng,

tuân thủ Luật Đất đai và quy hoạch chi tiết phòng chống lũ và các quy hoạch liên quan; Khai thác tiềm năng về đất đai và cảnh quan thiên nhiên vùng ven sông, tổ chức các khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, dịch vụ du lịch...

### **Điều 13. Hệ thống giao thông:**

#### **1) Các công trình giao thông đầu mối quốc gia và thành phố:**

##### **a) Đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị:**

- Các tuyến đường sắt quốc gia Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Lạng Sơn sẽ được cải tạo, nâng cấp thành đường sắt đôi, sử dụng kết hợp với đường sắt đô thị (tuyến số 1). Xây dựng mới đoạn đường sắt Yên Viên - Đông Anh vòng tránh khu di tích Cổ Loa.

- Xây dựng đường sắt vành đai và đầu mối đường sắt phía Đông của Thành phố.  
- Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các ga: Yên Viên (ga lập tàu hàng và tàu khách), Cổ Bi (ga hàng hoá) và một số ga tránh.

Việc đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị sẽ được xác định cụ thể theo các dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**b) Hệ thống đường bộ:** Xây dựng, cải tạo, nâng cấp mở rộng các tuyến quốc lộ hướng tâm hiện có và đường vành đai sau:

- Quốc lộ 5 có mặt cắt ngang điển hình rộng 60m.
- Quốc lộ 1A, đoạn qua khu đô thị Yên Viên mặt cắt ngang điển hình rộng 48m
- Đường liên tỉnh Hà Nội - Hưng Yên mặt cắt ngang điển hình rộng 40m.
- Đường Vành đai 3 quy mô 6-8 làn xe (không bao gồm các đường gom 2 bên)
- Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng quy mô 6-8 làn xe (không bao gồm các đường gom 2 bên).
- Đường liên vùng Văn Giang (tỉnh Hưng Yên) - Kiều Ky - Dương Quang - Phú Thị - Phù Đổng - Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ Bắc Ninh quy mô 6 - 8 làn xe.
- Xây dựng các nút giao khác mức giữa các tuyến cao tốc, quốc lộ hướng tâm, đường Vành đai với các trục giao thông chính của huyện.
- Xây dựng các công trình đầu mối giao thông đường bộ (quy mô mỗi công trình 5-10 ha): Bãi đỗ xe tải, Bãi đỗ xe và bến xe buýt Yên Viên; Bến xe tải Trâu Quỳ, Ninh Hiệp, cảng thông quan tại Cổ Bi...

Việc đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp mở rộng các tuyến quốc lộ hướng tâm hiện có, các công trình đầu mối giao thông đường bộ, đường vành đai và các nút giao khác mức sẽ được xác định cụ thể theo các dự án riêng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

**c) Đường thủy:** Xây dựng cảng hàng hoá Phù Đổng trên sông Đuống tại khu vực Cổ Bi, Đặng Xá. Cải tạo, nâng cấp một số cảng sông phục vụ du lịch tại các xã Kim Lan, Văn Đức, Bát Tràng và chuyên dùng phục vụ khai thác và vận chuyển vật liệu xây dựng trên sông Hồng và sông Đuống. Các cảng sông được thực hiện theo dự án riêng, tuân thủ Luật Đất đai, đảm bảo yêu cầu thoát lũ và phù hợp với quy hoạch cơ bản hai bên bờ sông Hồng, sông Đuống được cấp thẩm quyền phê duyệt.

#### **2) Các tuyến đường tại khu vực phát triển đô thị, liên huyện, liên xã:**

Các tuyến đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường chính khu vực có mặt cắt ngang điển hình rộng 40m, 30m, 22-23m bao gồm:

- Đường Đông Dư - Dương Xá
- Đường Yên Thường - Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng - Trung Mậu
- Đường trục khu đô thị Yên Viên
- Đường trục khu đô thị Trâu Quỳ-Kiều Ky

Một số tuyến đường khu vực, đường liên xã có mặt cắt ngang điển hình rộng 17,5m sẽ được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch chi tiết.

Tuyến đường đê sông Hồng, sông Đuống được cải tạo, nâng cấp tăng cường khả năng phòng chống lũ lụt và kết hợp phục vụ giao thông trên địa bàn huyện. Khi lập dự án đầu tư xây dựng phải có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý đê điều.

3) Các bãi đỗ xe:

Khu vực phát triển đô thị: xây dựng các bãi đỗ xe tập trung theo tiêu chuẩn xác định tại Quyết định số 165/2003/QĐ-UB ngày 02/12/2003 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch mạng lưới các điểm đỗ xe và bãi đỗ xe công cộng thành phố đến năm 2020.

Các trung tâm dân cư khu vực nông thôn: xây dựng bãi đỗ xe tập trung phục vụ yêu cầu sản xuất và sinh hoạt, sẽ được xác định theo dự án riêng.

**Điều 14. Chuẩn bị kỹ thuật:**

a) Gia cố đê và cao độ đỉnh đê phòng chống lũ: Nâng cấp toàn bộ các tuyến đường - đê sông Hồng, sông Đuống hiện tại từ mặt đê rộng 6 - 10m thành đường có 2-3 làn xe vừa là trục giao thông vận chuyển liên xã, liên huyện vừa góp phần gia cố đê. Trên mặt đê xây dựng các tường chắn bê tông để đảm bảo cao độ đỉnh đê cần thiết phòng lũ lụt, đảm bảo cao độ đỉnh của hệ thống đê chắn dọc sông Hồng phải đạt tới cao độ khoảng 16m và đối với sông Đuống cao độ đỉnh đê chắn vào khoảng 15m.

b) Hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa kết hợp giữa tự chảy và trạm bơm động lực thoát ra sông Đuống, sông Hồng, sông Bắc Hưng Hải. Khai thác sử dụng hệ thống thủy lợi hiện có. Các lưu vực thoát nước chính như sau:

- Khu vực Bắc Đuống:

. Lưu vực 1 (diện tích khoảng 1052ha), gồm xã Yên Thường và một phần xã Yên Viên, thoát ra sông Ngũ Huyện Khê qua trạm bơm Liên Đàm (công suất 3,4m<sup>3</sup>/s). Xây dựng các hồ điều hoà có tổng diện tích khoảng 85ha và các tuyến cống thoát nước mưa có đường kính D 800- 2000mm, mương thoát nước B= 12-20m H= 3-3,5m.

. Lưu vực 2 (diện tích khoảng 1181 ha), gồm: khu đô thị Yên Viên, một phần xã Yên Viên và các xã Đình Xuyên, Ninh Hiệp, Phù Đổng, Dương Hà, thoát ra sông Đuống qua trạm bơm Dương Hà (công suất : 10,6m<sup>3</sup>/s). Xây dựng các hồ điều hoà có tổng diện tích khoảng 49ha và các tuyến cống thoát nước mưa có đường kính D800-2000mm, mương thoát nước B= 12-20m, H<sub>tb</sub>= 3-3,5m.

. Lưu vực 3 (diện tích khoảng 913ha), gồm xã Trung Màu và một phần các xã Ninh Hiệp, Phù Đổng, thoát ra sông Đuống qua các trạm bơm Phù Đổng, Thịnh Liên (công suất:9,7m<sup>3</sup>/s). Xây dựng các hồ điều hoà diện tích khoảng 48ha và các tuyến cống thoát nước mưa có đường kính D800-1750mm, mương thoát nước B= 12-20m, H<sub>tb</sub>= 3-3,5m .

- Khu vực Nam Đuống:

. Lưu vực 1 (có diện tích khoảng 2384ha), là lưu vực có diện tích đất phát triển đô thị lớn nhất, gồm khu đô thị Trâu Quỳ, khu công viên đô thị, một phần diện tích quận Long Biên (phía Đông đường vành đai 3) và các xã Đông Dư, Đa Tốn, thoát ra sông sông Cầu Bậy, dẫn về 2 trạm bơm xây dựng mới: Trạm bơm Đông Dư (công suất 8-10 m<sup>3</sup>/s) và Xuân Thụy (công suất:10-12m<sup>3</sup>/s) để bơm ra sông Hồng và sông Bắc Hưng Hải. Xây dựng các hồ điều hoà có tổng diện tích khoảng 156ha và các tuyến cống thoát nước mưa có đường kính D 800-2500mm, mương thoát nước B= 12-20m, H<sub>tb</sub>= 3-3,5m. Riêng đối với sông Cầu Bậy sẽ được cải tạo, mở rộng mặt cắt ngang 40m để đảm bảo yêu cầu thoát nước tự chảy cho quận Long Biên và một phần huyện Gia Lâm (khi mực nước sông Bắc Hưng Hải < 3,0m).

- Lưu vực 2 (có diện tích khoảng 3170ha), gồm các xã Dương Xá, xã Đặng Xá, Kim Sơn, Lệ Chi, Dương Quang, xã Kiều Ky, chia thành tiểu lưu vực: Tiểu lưu vực sông Giàng - Bắc Hải (diện tích khoảng 2520ha) ra cống Liễu Khê vào sông Đáy; Tiểu lưu vực mương Kiên Thành (diện tích khoảng 251ha) ra cống Tân Quang vào sông Bắc

Hung Hải ; Tiểu lưu vực cống Hoàng Xá ( diện tích khoảng 406ha) ra cống Hoàng Xá vào sông Bắc Hải.

Để chủ động tiêu nước, trạm bơm Đông Dư và Xuân Thuy có công suất đảm bảo thể hỗ trợ tiêu nước cho toàn bộ tiểu lưu vực mương Kiên Thành và tiểu lưu vực cống Hoàng Xá.

- Khu vực ngoài đê sông Hồng: Bao gồm xã Bát Tràng, Kim Lan, Văn Đức và một phần xã Đông Dư thuộc phạm vi quy hoạch cơ bản phát triển sông Hồng, hệ thống thoát nước sẽ được nghiên cứu cụ thể phù hợp quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Hệ thống thoát nước trong các khu đô thị, các tuyến đường đã có quy hoạch (hoặc dự án đầu tư xây dựng) được cấp thẩm quyền phê duyệt sẽ thực hiện theo dự án riêng.

Đối với các khu vực dự kiến phát triển đô thị khi triển khai quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000, 1/500, thì diện tích hồ điều hoà nằm trong hệ thống thoát nước đô thị cần đảm bảo tỷ lệ từ 4% đến 5% so với diện tích đất phát triển đô thị.

Đối với khu vực dân cư làng xóm: cải tạo và xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước hiện có và được thực hiện theo dự án riêng.

Hệ thống thoát nước mưa chính, cao độ san nền và cao độ cống trong quy hoạch chỉ mang tính định hướng. Khi triển khai QHCT ở tỷ lệ 1/2000, 1/500 có thể được xem xét điều chỉnh bổ sung phù hợp điều kiện thực tế và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b) San nền:

Cao độ san nền khu vực phát triển đô thị: Cao độ san nền khu đô thị Yên Viên: Cao độ nền trung bình khoảng 6,6 - 8,6m; Cao độ san nền khu công viên đô thị: Cao độ nền trung bình khoảng 4,5 - 5,9m; Cao độ san nền đô thị Trâu Quỳ: Cao độ nền trung bình khoảng 4,5-5,9m; Cao độ san nền khu Bắc Đuống 1: Cao độ nền trung bình khoảng 5,5 - 7,6m; Cao độ san nền khu Bắc Đuống 2: Cao độ san nền trung bình khoảng 5,6 - 7,5m; Cao độ san nền khu Nam Đuống 1A: Cao độ san nền trung bình khoảng 5,5 - 6,7m; Cao độ san nền khu Nam Đuống 1B: Cao độ san nền trung bình khoảng 5,5 - 6,7m; Cao độ san nền khu Nam Đuống 2: Cao độ san nền trung bình khoảng 4,5 - 5,7m.

Các khu vực đã có quy hoạch chi tiết và dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo dự án riêng. Khi lập dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị phải có giải pháp san nền đảm bảo tương quan phù hợp với cao độ nền khu vực dân cư hiện có cũng như các quy hoạch chi tiết, các dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và đảm bảo yêu cầu thoát nước.

**Điều 15. Cấp nước:**

**1) Nguồn cấp nước:** Nguồn nước cấp cho huyện Gia Lâm chủ yếu khai thác, sử dụng nước ngầm. Về lâu dài có thể xây dựng bổ sung 2 nhà máy cấp nước mặt để cấp nước cho huyện Gia Lâm và một phần quận Long Biên với quy mô công suất khoảng 250.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Dự kiến xây dựng tại khu vực phía Nam xã Phù Đổng và tại xã Đông Dư (trong khu công viên cây xanh hồ điều hòa).

**2) Giải pháp cấp nước:**

- Nhà máy nước Yên Viên (công suất dự kiến 32.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm) cấp nước sinh hoạt cho khu đô thị Yên Viên, khu đô thị Tây Bắc Yên Viên, khu đô thị Tây Nam Yên Viên, các khu dân cư nông thôn tiếp giáp với các khu đô thị và khu vực dự kiến phát triển Nam Ninh Hiệp (nhu cầu 3404 m<sup>3</sup>/ngđ)

- Nhà máy nước Trâu Quỳ công suất dự kiến 50.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm cấp nước sinh hoạt cho đô thị Trâu Quỳ, khu công viên đô thị, các khu dân cư nông thôn lân cận và khu vực dự kiến phát triển dọc đường 5 (nhu cầu 14.500 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).



- Các trạm cấp nước cục bộ: Trạm Phù Đổng công suất khoảng 10.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm; Trạm tại xã Lệ Chi công suất khoảng 5000m<sup>3</sup>/ngày.đêm; Trạm Kim Sơn: 1000m<sup>3</sup>/ngày.đêm (đủ cấp cho cả khu vực dự trữ phát triển đô thị Kim Sơn - Lệ Chi ); Trạm Đa Tốn: 1000m<sup>3</sup>/ngày.đêm; Trạm Kim Lan: 2000m<sup>3</sup>/ngày.đêm); trạm Văn Đức: 2000m<sup>3</sup>/ngày.đêm) cấp nước cho các trung tâm dịch vụ, công viên, điểm dân cư nông thôn tập trung xa các khu đô thị.

- Nhà máy cấp nước mặt tại Phù Đổng công suất 150.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm dự kiến cấp cho khu vực dự trữ phát triển đô thị tại Nam Ninh Hiệp và Bắc Công viên Phù Đổng (với tổng nhu cầu khoảng 14.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

- Nhà máy cấp nước mặt tại Đông Dư công suất 100.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm cấp nước bổ sung cho quận Long Biên và cho khu vực dự kiến phát triển đô thị dọc đường 5 với nhu cầu cấp nước dự kiến khoảng 14.500m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Đối với khu vực dự kiến phát triển đô thị Bắc công viên Phù Đổng ở giai đoạn trước mắt khi chưa xây dựng được nhà máy nước mặt có thể xem xét xây dựng trạm cấp nước cục bộ

Tổng công suất của các nhà máy cấp nước và trạm cấp nước khoảng 126.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Vị trí và công suất cụ thể của các nhà máy nước, các trạm cấp nước sẽ được xác định và thực hiện theo dự án riêng.

- Xây dựng mạng lưới các tuyến ống truyền dẫn, phân phối chính đường kính D100-400mm trên các trục đường quy hoạch, tạo mạch vòng cấp nước an toàn, liên tục.

Đối với khu vực phát triển đô thị, khi xây dựng bổ sung 2 nhà máy cấp nước mặt một số tuyến ống truyền dẫn, phân phối chính có thể sẽ được xem xét cải tạo, điều chỉnh phù hợp với việc phân bổ lại nguồn cấp nước.

#### **Điều 16. Cấp điện:**

##### **1) Nguồn cấp điện:**

Cấp điện cho huyện Gia Lâm từ các trạm 110/22KV Gia Lâm (E2) và xây dựng mới trạm biến áp 110/22KV Gia Lâm 2 công suất dự kiến 2x63MVA đặt tại Phú Thị, đồng thời được hỗ trợ cấp điện từ trạm 110/22KV Sài Đồng B (E.15); Sài Đồng A. Về lâu dài sẽ xây dựng từ trạm 110/22KV Gia Lâm 3 công suất dự kiến 2x63MVA tại xã Phù Đổng.

Cải tạo, nâng cấp 2 tuyến dây 110KV Gia Lâm - Sài Đồng B - Phố Nối để nâng cao khả năng cấp điện cho các phụ tải.

Vị trí, quy mô công suất và quỹ đất xây dựng các trạm biến áp 110/22KV và các hướng tuyến đường dây 220, 110KV dự kiến cụ thể sẽ do cơ quan quản lý chuyên ngành điện quyết định và được thực hiện theo dự án riêng.

Các tuyến đường dây 220, 110KV hiện có về lâu dài để đảm bảo an toàn và mỹ quan đô thị dự kiến hạ ngầm theo đường quy hoạch.

##### **2) Tuyến dây trung thế:**

Cải tạo và xây dựng mới các tuyến 22KV từ Trạm 110/22KV Gia Lâm (E2) và từ trạm 110/22KV Gia Lâm 2. Trong các khu vực phát triển đô thị, xây dựng các tuyến cáp ngầm trung thế 22KV dọc đường quy hoạch.

##### **3) Trạm biến thế 22/0,4KV:**

Xây dựng các trạm biến thế 22/0,4KV đảm bảo yêu cầu cấp điện an toàn, theo yêu cầu phụ tải của các khu vực. Vị trí, quy mô công suất và quỹ đất xây dựng cụ thể của các trạm biến áp sẽ được xác định ở giai đoạn lập quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng.

**Điều 17. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

##### **1) Hệ thống thu gom và xử lý nước thải**

a) *Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại khu đô thị:* Xây dựng hệ thống nước thải riêng gồm có:

- Xây dựng 03 trạm xử lý: Trạm Tây Bắc Yên Viên tại xã Yên Thường (công suất 6.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm, diện tích khoảng 1,5 ha) phục vụ cho khu đô thị Tây Bắc Yên Viên và khu dân cư nông thôn lân cận; Trạm Đông Nam Yên Viên tại xã Yên Viên (công suất 17.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, diện tích 2,5ha) phục vụ cho Khu đô thị Yên Viên và Khu đô thị Đông Nam Yên Viên; khu dân cư nông thôn lân cận và cho khu vực dự kiến phát triển tại Nam Ninh Hiệp; Trạm Trâu Quỳ tại xã Đông Dư (công suất 61.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, diện tích 9ha) phục vụ cho đô thị Trâu Quỳ, công viên đô thị, trung tâm dịch vụ Đa Tốn, khu dân cư nông thôn lân cận, một phần của quận Long Biên (khoảng 34.000 /ngày đêm) và khu vực dự kiến phát triển dọc Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Xây dựng mạng lưới thoát nước thải gồm các tuyến cống (có áp và không áp) D300-D700 chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch và các trạm bơm chuyển bậc.

b) *Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại khu vực nông thôn:*

- Xây dựng 04 trạm xử lý nước thải tại khu vực tập trung phát triển, như các trung tâm dịch vụ, các khu công viên và khu vực tập trung dân cư, gồm: Trạm Phù Đổng tại xã Phù Đổng (công suất 10.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, diện tích 2 ha) phục vụ Trung tâm dịch vụ Phù Đổng và Công viên văn hóa lịch sử Phù Đổng, khu dân cư lân cận và khu vực dự kiến phát triển Bắc Công viên Phù Đổng; Trạm Đặng Xá tại xã Đặng Xá (công suất 4.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, diện tích 1,3 ha) phục vụ Trung tâm dịch vụ thương mại cảng sông Đặng Xá và khu dân cư lân cận; Trạm Kim Sơn tại xã Kim Sơn (công suất 6.000m<sup>3</sup>/ngàyđêm, diện tích 1,5 ha) phục vụ Trung tâm dịch vụ Kim Sơn (Khu dịch vụ thương mại Hapro), Công viên nghỉ ngơi giải trí Dương Quang, khu dân cư lân cận và khu vực dự kiến phát triển đô thị Lệ Chi - Kim Sơn; Trạm Kiều Ky, tại xã Kiều Ky (công suất 2000m<sup>3</sup>/ngày đêm, diện tích 1ha) phục vụ Trung tâm dịch vụ thương mại cụm CN Kiều Ky, khu dân cư lân cận.

- Xây dựng mạng lưới thoát nước thải gồm các tuyến cống (có áp và không áp) D300-D500 chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch và các trạm bơm chuyển bậc .

2) *Vệ sinh môi trường:*

a) *Chất thải rắn*

- Rác thải được thu gom phân loại ngay tại nguồn. Đối với rác thải công nghiệp, rác thải bệnh viện độc hại được xử lý theo các yêu cầu riêng phù hợp với từng loại rác thải.

- Xây dựng nhà máy xử lý rác thải Phù Đổng - Trung Mậu. Xây dựng nhà máy xử lý rác thải Phù Đổng - Trung Mậu. Đối với bãi rác và khu xử lý rác Kiều Ky hiện có, khi xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và phát triển đô thị tại khu vực này, sẽ xem xét di chuyển hoặc thay đổi công nghệ để đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường chung cho khu vực.

b) *Quy hoạch hệ thống nhà tang lễ, nghĩa trang, nghĩa địa:*

- Nghĩa trang, nghĩa địa: đối với các khu nghĩa trang, nghĩa địa phân tán hiện có trên địa bàn các xã nằm trong khu vực phát triển đô thị giai đoạn đầu sẽ hạn chế không chôn cất thêm và sử dụng là nghĩa trang cát táng, lâu dài sẽ từng bước được di chuyển về nghĩa trang chung Thành phố

- Nhà tang lễ: xây dựng 02 nhà tang lễ kết hợp với các bệnh viện xây dựng mới tại Trâu Quỳ và bệnh viện khu đô thị Tây Bắc Yên Viên.

c) *Quy hoạch nhà vệ sinh công cộng:*

- Trên các trục phố chính, khu thương mại, công cộng, chợ, bến bãi đỗ xe phải bố trí các nhà vệ sinh công cộng. Chi tiết sẽ được xác định trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết và dự án.

**Điều 18. Các quy định khác về công trình hạ tầng kỹ thuật**

- Quy hoạch chung xây dựng huyện Gia Lâm định hướng các công trình hạ tầng kỹ thuật chính (được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/5000, đo đạc tháng 8/2006). Khi lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật (được lập trên bản đồ tỷ lệ 1/2000, 1/500, đo đạc tại thời điểm lập quy hoạch chi tiết và dự án), để phù hợp hiện trạng xây dựng thực tế, quy hoạch chung xây dựng huyện Gia Lâm có thể được nghiên cứu, bổ sung, điều chỉnh phù hợp và sẽ được cấp có thẩm quyền xem xét cụ thể khi phê duyệt quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư

- Trên địa bàn huyện Gia Lâm hiện có một số tuyến ống xăng dầu đặt ngầm. Vì vậy, các tuyến đường và công trình hạ tầng kỹ thuật nằm trong (hoặc cắt qua) hành lang tuyến ống xăng dầu hiện có, khi lập dự án đầu tư xây dựng, cần khảo sát hiện trạng và có sự thoả thuận của cơ quan quản lý công trình xăng dầu, cơ quan phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hành lang bảo vệ các tuyến đê sông Hồng, sông Đuống, sông Bắc Hưng Hải và việc xây dựng các công trình ngoài bãi của các tuyến sông phải đảm bảo tuân thủ theo các qui định của Luật Đê điều.

**Điều 19.** Để đảm bảo thực hiện đồng bộ quản lý xây dựng theo Quy hoạch huyện Gia Lâm, tuân thủ Luật Xây dựng năm 2003 và Nghị định 08/2005/NĐ-CP, các khu đô thị mới, khu cụm công nghiệp, các khu chức năng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội phải được lập Quy hoạch chi tiết xây dựng và Thiết kế đô thị, tuân thủ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, tiêu chuẩn thiết kế, làm cơ sở để triển khai đầu tư cải tạo và xây dựng mới đồng bộ hiện đại.

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 20.** Điều lệ này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 21.** Mọi vi phạm các điều khoản của Điều lệ này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 22.** Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ đồ án Quy hoạch chi tiết và quy định cụ thể của Điều lệ này để hướng dẫn thực hiện xây dựng.

**Điều 23.** Đồ án Quy hoạch chung xây dựng huyện Gia Lâm tỷ lệ 1/5000 và bản Điều lệ này được lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân được biết và thực hiện :

- UBND Thành phố Hà Nội ;
- Sở Quy hoạch- Kiến trúc;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Gia Lâm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Thế Thảo